HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14/NQ-HĐND	*Thái Bình, ngày 25 tháng 6 năm 2015*

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THÁI BÌNH
ĐẾN Số: 2112
Ngày: 10/7/2015
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh năm 2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, Công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ vào Nghị định 108/2014/NĐ-CP, ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-BNV ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức năm 2015 trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh năm 2015; Báo cáo thẩm tra số 19/BC - BPC ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh năm 2015, cụ thể như sau:

1. Biên chế công chức đối với các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh năm 2015 là 2.064 biên chế, trong đó:

a) 19 sở và cơ quan tương đương: 866 biên chế;

b) 21 đơn vị thuộc sở: 390 biên chế;

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: 808 biên chế.

2. Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ: 136.

(Có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết;

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khoá XV, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban TVQH, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành thuộc tỉnh;
- TT huyện uỷ, thành ủy, TT.HĐND, UBND các huyện, T.phố;
- Lưu: VTVP.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC GIAO NĂM 2015
(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 25/6/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Đã giao năm 2014		Giao năm 2015		Tăng, giảm so với năm 2014	
		Biên chế	Hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP	Biên chế	Hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP	Biên chế	Hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP
	TỔNG SỐ:	**2.100**	**121**	**2.064**	**136**	**- 36**	**+15**
I	**CÁC SỞ VÀ CƠ QUAN TƯƠNG ĐƯƠNG**	**881**	**75**	**866**	**85**	**-15**	**+10**
1	Sở Tư pháp	40	03	40	03		
2	Sở Lao động Thương binh và xã hội	65	04	63	05	-2	+1
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	47	03	47	03		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	56	04	55	04	-1	
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	45	04	45	04		
6	Sở Khoa học và Công nghệ	31	02	31	02		
7	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	54	04	53	04	-1	
8	Sở Công thương	57	04	55	05	-2	+1
9	Sở Xây dựng	40	02	40	02		
10	Sở Giao thông vận tải	36	02	35	03	-1	+1
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	59	02	57	02	-2	
12	Sở Y tế	41	03	41	03		
13	Sở Nội vụ	43	04	43	04		
14	Sở Tài chính	78	04	76	05	-2	+1
15	Sở Thông tin và Truyền thông	29	03	29	03		
16	Thanh tra tỉnh	46	02	46	02		
17	Ban Quản lý các khu công nghiệp	25	03	25	03		
18	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	64	14	61	19	-3	+5
19	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	25	08	24	09	-1	+1

STT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Đã giao năm 2014		Giao năm 2015		Tăng, giảm so với năm 2014	
		Biên chế	Hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP	Biên chế	Hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP	Biên chế	Hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP
II	**ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ:**	**398**	**22**	**390**	**23**	**-8**	**+1**
1	Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão	19	0	18		-1	
2	Chi cục Bảo vệ thực vật	25	0	25			
3	Chi cục Phát triển nông thôn	27	02	27	02		
4	Chi cục Thú y	26	01	24	01	-2	
5	Chi cục Thủy lợi	18	01	18	01		
6	Chi cục Nuôi trồng thuỷ sản	17	01	15	02	-2	+1
7	Chi cục khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản	13	0	13			
8	Chi cục Kiểm lâm	18	02	18	02		
9	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	15	02	15	02		
10	Chi cục Dân số kế hoạch hóa gia đình	15	0	14		-1	
11	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	15	01	14	01	-1	
12	Ban Tôn giáo	13	0	13			
13	Ban Thi đua khen thưởng	13	02	13	02		
14	Chi cục Văn thư Lưu trữ	12	02	12	02		
15	Chi cục Bảo vệ môi trường	13	0	13			
16	Chi cục Biển	07	01	07	01		
17	Chi cục Phòng chống tệ nạn Xã hội	07	0	07			
18	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	21	02	21	02		
19	Chi cục Quản lý thị trường	75	05	74	05	-1	
20	Thanh tra Giao thông vận tải	27	0	27			
21	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	02		02			

SỐ TT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Đã giao năm 2014		Giao năm 2015		Tăng, giảm so với năm 2014	
		Biên chế	Hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP	Biên chế	Hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP	Biên chế	Hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP
III	**UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ**	**821**	**24**	**808**	**28**	**-13**	**+4**
1	Vũ Thư	101	04	100	04	-1	
2	Kiến Xương	101	03	100	03	-1	
3	Hưng Hà	102	03	101	03	-1	
4	Quỳnh Phụ	100	04	98	05	-2	+1
5	Tiền Hải	103	02	102	02	-1	
6	Đông Hưng	104	03	102	04	-2	+1
7	Thái Thuỵ	106	03	105	3	-1	
8	Thành phố Thái Bình	104	02	100	04	-4	+2